

Bản án số: 174/2025/HC-PT

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

*“V/v khiếu kiện quyết định hành chính, hành
vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự;

Bà Phan Thị Vân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 72/2025/TLPT-HC ngày 13 tháng 01 năm 2025 về *“Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 59/2024/HC-ST ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 624/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Trọng K, sinh năm: 1965; địa chỉ: **Thôn G, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định**; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông **Huỳnh Duy T**, sinh năm 1983, địa chỉ: **Số nhà C, đường Đ, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định**; có mặt.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Tuấn T1**, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định.

3. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định và Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định: Ông **Nguyễn Xuân P**, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định; có đơn xin xét xử vắng

mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định và Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định: Ông Nguyễn Văn R, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng H, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Lê Thị Như T2, sinh năm: 1972; vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Bích K1, sinh năm: 1989; vắng mặt.

Cùng có địa chỉ: Thôn G, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định.

- Người làm chứng, không triệu tập tham gia phiên tòa:

1. Ông Trần Công M, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định.

2. Ông Lê Minh H1; địa chỉ: Thôn G, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn Trọng K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của các đương sự và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

- Người khởi kiện ông Nguyễn Trọng K và người đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh Duy T trình bày:

Thửa đất ông Nguyễn Trọng K đang quản lý, sử dụng tại thôn G, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định có nguồn gốc là của ông bà nội tạo lập, sử dụng và để lại cho cha là ông Nguyễn D, tổng diện tích là 3.000m². Năm 1984, Hợp tác xã N1 (viết tắt là HTX) san lấp 2.000m² tại khu đất trên để làm hồ nuôi cá, trồng tiêu, khi đó trên đất ông Nguyễn D có trồng cây lâu năm và còn có mồ mả của ông bà nhưng không đền bù. Tháng 5/1991, do làm ăn không hiệu quả nên HTX trả lại và thanh lý lại tài sản trên đất là 01 ngôi nhà xây để giữ hồ cá Bàu Dừng cho ông Nguyễn D, các ngôi mộ của ông bà vẫn còn trên đất. Tháng 5/1992 ông Nguyễn D và bà Trần Thị N viết giấy chuyển toàn bộ nhà đất cho ông Nguyễn Trọng K quản lý, sinh sống ổn định đến nay và không có ai tranh chấp. Ngày 25/9/1993 Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số 00617/QSDĐ cho ông Nguyễn Trọng K, tổng diện tích là 1.980m² (trong đó: đất 2 lúa: 1.268m² thuộc thửa đất số 41, tờ 15 và đất ở: 300m², đất vườn: 412m² thuộc thửa đất số 1128, tờ bản đồ số 2). Tại thửa đất số 1128, gia đình sử dụng làm trại nuôi heo, trồng cây lâu năm, cây ăn quả và UBND huyện H đã cấp cho ông Nguyễn Trọng Kim G số H02112 ngày 09/12/2009, tổng diện tích là 712m² (trong đó: đất ở 300m², đất vườn 412m²) thuộc thửa đất số 768, tờ bản đồ số 4. Đến tháng 6/2009,

ông Nguyễn Văn T3 (cán bộ phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H) yêu cầu giao GCNQSDĐ để kiểm tra thì ông Nguyễn Trọng K mới phát hiện và được biết là Nhà nước đã lấy phần đất của gia đình mua thanh lý của HTX (là phần diện tích đất được cấp GCNQSDĐ số 00617/QSDĐ, ngày 25/9/1993) để cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn H2 mà không có quyết định thu hồi, không bồi thường tiền đất cho gia đình. Quyền sử dụng đất theo GCNQSDĐ số 00617/QSDĐ cấp ngày 25/9/1993 là đất Nhà nước cấp giao quyền cho ông Nguyễn Trọng K tại đội 9, còn đất được cấp giao quyền theo GCNQSDĐ số H02112 ngày 09/12/2009 là đất gia đình Nguyễn T4 mua thanh lý của HTX tại đội 8 và 02 GCNQSDĐ này là cấp cho 02 thửa đất khác nhau. Ông Nguyễn Trọng K có khiếu nại; ngày 10/7/2009 UBND huyện H ban hành Quyết định số 1097/QĐ-CTUBND (viết tắt là Quyết định 1097) giải quyết khiếu nại và ngày 03/6/2023 ông Nguyễn Trọng K đã có đơn yêu cầu UBND huyện H thực hiện Quyết định 1097 nhưng không được giải quyết. Ngày 10/8/2023, UBND huyện H ban hành Quyết định số 3748/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định 3748) bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Trọng K. Ngày 30/8/2023 ông Nguyễn Trọng K có đơn khiếu nại đối với Quyết định 3748 gửi UBND tỉnh B. Ngày 18/01/2024 (sau 04 tháng 18 ngày) Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B mời ông Nguyễn Trọng K đến đối thoại nhưng việc đối thoại được tiến hành một cách qua loa, áp đặt, không tổ chức đối thoại giữa người khiếu nại và người giải quyết khiếu nại; Biên bản cuộc đối thoại tự ý đánh máy sẵn và kết luận: “Không công nhận khiếu nại của ông K đối với Quyết định số 3748/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của UBND huyện H”. Đến ngày 01/02/2024 Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 416/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định 416) giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng K (lần hai) là đã vi phạm về thời hạn giải quyết khiếu nại và nội dung giải quyết là không đúng quy định của pháp luật.

Do đó, ông Nguyễn Trọng K khởi kiện yêu cầu:

- + Hủy Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh B.
- + Hủy Quyết định số 3748/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Bình Định.
- + Hủy Văn bản số 17/UBND-TN ngày 09/01/2023 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Bình Định (viết tắt là Văn bản 17).
- + Buộc UBND huyện H trả GCNQSDĐ số 00617/QSDĐ và cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 768, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.000m² vì đất này Hợp tác xã Ân Đức 2 bán cho ông Nguyễn Trọng K.

- Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh B, do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thửa đất ông Nguyễn Trọng K2 đang ở có 01 ngôi nhà trồng giữ hồ cá Bàu Dừng của HTX (hồ cá nằm đối diện bên kia đường) do ông Nguyễn D (cha của ông Nguyễn Trọng K) mua của HTX theo Biên bản thanh lý tài sản cố định ngày 25/5/1991 (không nêu diện tích đất); năm 1992 ông Nguyễn D chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Trọng K sử dụng ở đến nay. Theo sổ mục kê và bản đồ địa chính

ký duyệt năm 1996, ngôi nhà thanh lý nêu trên thuộc thửa đất số 732, tờ bản đồ số 2, diện tích 252m², loại đất màu, ghi tên người sử dụng đất là UBND xã Á. Từ thời điểm cân đối giao quyền sử dụng đất năm 1993 theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, ông Nguyễn Trọng K không được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 732 nêu trên mà được cấp GCNQSDĐ số 00617/QSDĐ ngày 25/9/1993 sử dụng thửa đất số 41, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.628m², loại đất lúa và thửa đất số 1128, tờ bản đồ số 2, diện tích 712m² (gồm 300m² đất ở và 412m² đất vườn) tại xã Á, huyện H, tỉnh Bình Định. Tuy nhiên, theo bản đồ địa chính và sổ mục kê năm 1996, tờ bản đồ số 2 không có thửa đất số 1128. Tại sổ địa chính và sổ mục kê của tờ bản đồ số 5, xã Á, huyện H: Thửa số 173, diện tích 712m² (gồm 300m² đất ở và 412m² đất vườn), ghi tên sử dụng đất là ông Nguyễn Trọng K (trên thực địa là đất gò, không có nhà, một số người dân khai thác đất làm gạch đã lấy đất sâu xuống ngang với mặt bằng ruộng, hiện nay vẫn là đất trống, hiện trạng của thửa đất có biến động về ranh giới, diện tích).

Ông Nguyễn D (cha của ông Nguyễn Trọng K) được cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.354m², trong đó: 300m² đất ở và 1.054m² đất vườn.

Năm 2009, ông Nguyễn Trọng K có đơn khiếu nại về việc gia đình ông mua thanh lý ngôi nhà trông giữ hồ cá Bàu D1 và ở từ năm 1991 nhưng đến năm 1993 Nhà nước không cấp GCNQSDĐ cho ông mà lại cấp GCNQSDĐ tại một thửa khác là thửa đất số 1128 (trên thực địa là thửa đất số 731, tờ bản đồ số 02 mà ông Nguyễn H3 đang sử dụng, là thuộc thửa đất của gia đình ông mua thanh lý nhà trông giữ hồ cá B vì trên đất ông Nguyễn H3 đang sử dụng có 02 ngôi mộ của ông bà nội); đồng thời xin trả lại thửa đất số 173, tờ bản đồ số 5 cũ cho Nhà nước và đề nghị UBND huyện H cấp lại GCNQSDĐ cho ông tại thửa đất mua của HTX mà ông đang ở, theo giới cận: Bắc giáp đất ông Nguyễn S, Nam giáp đất ông Đ, Đ1 giáp Hồ Bàu D2, T5 giáp vườn Đ2.

Về sử dụng đất của các hộ dân (theo bản đồ năm 1996, tính theo hướng từ Bắc đến N): Thửa đất số 730, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.536m², chủ sử dụng là ông Nguyễn Sai. Thửa đất số 731, tờ bản đồ số 2, diện tích 967m² (300m² đất ở và 667m² đất vườn) đã được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn H3 vào năm 1993. Khu đất ông Nguyễn Trọng K sử dụng, gồm: Thửa đất số 732, tờ bản đồ số 2, diện tích 252m², một phần thửa đất số 373, tờ bản đồ số 4 (đất trồng cây công nghiệp lâu năm, do UBND xã Á quản lý) và thửa đất số 737, tờ bản đồ số 4, diện tích 672m², loại đất màu do UBND xã Á quản lý. Giáp khu đất của ông Nguyễn Trọng K là thửa đất số 736, tờ bản đồ số 4, diện tích 616m², chủ sử dụng ông Huỳnh Văn Đ3.

Kết quả giải quyết của các cơ quan chức năng: Trên cơ sở kết quả kiểm tra, đề xuất của Tổ công tác huyện H tại Báo cáo số 01/BC-TCT ngày 12/6/2009; Chủ tịch UBND huyện H đã ban hành Quyết định số 1097 với nội dung: Không công nhận khiếu nại của ông Nguyễn Trọng K về việc đòi lại đất thổ cư và đất lâm nghiệp đã giao cho người khác sử dụng. Công nhận khiếu nại của ông Nguyễn Trọng K về việc gia đình ông mua thanh lý ngôi nhà giữ cá của HTX từ năm 1991 nhưng đến năm 1993 Nhà nước không giao quyền sử dụng đất cho ông nơi ông đang ở mà lại giao

quyền một thửa đất khác. Giao **Phòng T** có trách nhiệm lập thủ tục thu hồi đất đối với hộ gia đình ông **Nguyễn Trọng K** và hộ gia đình ông **Nguyễn Hoai .1** Chỉ đạo Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chỉnh lý hồ sơ địa chính, GCNQSDĐ của hộ gia đình ông **Nguyễn Trọng K** và hộ gia đình ông **Nguyễn H3** theo quy định của pháp luật; cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông **Nguyễn Trọng K**.

Ngày 16/11/2009, UBND huyện H ban hành Quyết định số 2211/QĐ-CTUBND (viết tắt là Quyết định 2211) thu hồi 300m² đất ở và 412m² đất vườn tại thửa đất số 173, tờ bản đồ số 5, xã A của ông **Nguyễn Trọng K** (GCNQSDĐ ghi nhầm số hiệu 1128, tờ bản đồ số 2), lý do thu hồi: Đất giao quyền sai vị trí; giao UBND xã A quản lý chặt chẽ quỹ đất đã thu hồi, đồng thời ban hành Quyết định số 2210/QĐ-CTUBND (viết tắt là Quyết định 2210) thu hồi 210m² đất lâm nghiệp của ông **Nguyễn H3** và giao lại cho ông **Nguyễn Trọng K**. Giao **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H** chỉnh lý hồ sơ địa chính của 02 hộ theo quy định. **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H** đã thực hiện chỉnh lý thu hồi 300m² đất ở và 412m² đất vườn tại thửa đất số 1128, tờ bản đồ số 2 theo GCNQSDĐ số 00617/QSDĐ ngày 25/9/1993. Đến ngày 09/12/2009, UBND huyện H cấp GCNQSDĐ số H02112 cho ông **Nguyễn Trọng K** tại nơi ông ở (ngôi nhà trồng giữ hồ cá B) với diện tích 712m², trong đó có 300m² đất ở và 412m² đất trồng cây lâu năm khác, thửa đất được chỉnh lý có số thửa 768 (mới), tờ bản đồ số 4. Ngày 20/12/2009, **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H** mời ông **Nguyễn Trọng K** đến để giao GCNQSDĐ nhưng ông không nhận vì cho rằng gia đình ông mua thanh lý ngôi nhà giữ cá của HTX với diện tích 3.000m² và sau đó ông **Nguyễn Trọng K** liên tục có nhiều đơn khiếu nại.

Ngày 06/01/2023, **Phòng T** có Báo cáo số 02/BC-TNMT về kết quả giải quyết khiếu nại vào năm 2009 đối với ông **Nguyễn Trọng K** và ngày 11/01/2023 làm việc với ông **Nguyễn Trọng K** về việc giao GCNQSDĐ số 00617/QSDĐ ngày 25/9/1993, GCNQSDĐ cấp vào năm 2009 nhưng ông **Nguyễn Trọng K** không nhận vì cho rằng cấp không đúng diện tích và có đơn khiếu nại ông **Nguyễn Văn T6** (hiện nay là Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường) tự ý thu hồi GCNQSDĐ, tự ý lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho người khác, xâm phạm đến lợi ích đất đai của gia đình. Chủ tịch UBND huyện H giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định 3748, với nội dung: Việc ông **Nguyễn Trọng K** khiếu nại ông **Nguyễn Văn T6** - cán bộ **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H** tự ý thu hồi GCNQSDĐ của gia đình ông để lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho người khác, làm xâm phạm đến đất đai của gia đình ông là không có cơ sở, vì quá trình giải quyết đơn của ông **Nguyễn Trọng K** năm 2009, ông **Nguyễn Văn T6** là một thành viên trong Tổ công tác tham mưu UBND huyện giải quyết đơn theo đúng quy định của pháp luật, không có việc ông **Nguyễn Văn T6** tự ý thu hồi GCNQSDĐ của ông **Nguyễn Trọng K** như đơn khiếu nại. Có đủ cơ sở công nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông **Nguyễn Trọng K** tại thửa đất số 768 (mới), tờ bản đồ số 4, diện tích 300m² đất ở và 412m² đất trồng cây lâu năm khác và phần đất nông nghiệp còn lại của thửa đất số 737, tờ bản đồ số 4 theo hiện trạng thực tế ông **Nguyễn Trọng K** đang sử dụng ổn định, liên tục, không tranh chấp từ tháng 5/1992 đến nay. Không chấp nhận việc ông **Nguyễn Trọng K** yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông tại thửa đất số 173, tờ bản đồ số 5 vì ông **Nguyễn Trọng K** đã có đơn trả lại thửa đất này và đề nghị cấp lại thửa đất tại nơi ông đang ở

và đã được Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 2211 thu hồi 300m² đất ở và 412m² đất vườn tại thửa đất số 173, tờ bản đồ số 5, xã A là đúng quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Trọng K tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến UBND tỉnh B. Trên cơ sở kết quả kiểm tra rà soát hồ sơ, kết quả đối thoại và đề xuất của Sở T tại Văn bản số 288/BC-STNMT ngày 22/12/2023 và Văn bản số 303/STNMT-TTRA ngày 25/01/2024; Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định 416 giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Nguyễn Trọng K, với nội dung: Không công nhận nội dung đơn của ông Nguyễn Trọng K khiếu nại ông Nguyễn Văn T6. Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 3748 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng K ở thôn G, xã A, huyện H.

Quyết định số 416 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết lần hai đối với ông Nguyễn Trọng K là đúng quy định của pháp luật; yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng K là không có cơ sở chấp nhận.

- Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Bình Định và UBND huyện H, tỉnh Bình Định, do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Các khiếu nại của ông Nguyễn Trọng K đã được Chủ tịch UBND tỉnh B và Chủ tịch UBND huyện H giải quyết đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng K về việc huỷ Quyết định 416, Quyết định 3748 và Văn bản 17.

Đối với yêu cầu trả lại GCNQSDĐ số 00617/QSDĐ (thực chất là yêu cầu cấp GCNQSDĐ đối với thửa 173, tờ bản đồ số 5 tại xã A, diện tích 712m², trong đó đất ở 300m² là không có cơ sở xem xét giải quyết vì năm 1993 UBND huyện H cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Trọng K tại thửa đất số 1128, tờ bản đồ số 2, xã A (trên thực địa là thửa đất số 173, tờ bản đồ số 5), loại đất nông nghiệp, bản đồ địa chính ghi ký hiệu (T) và sổ mục kê ghi diện tích là 712m² (trong đó đất ở 300m²) là ghi không đúng hiện trạng sử dụng đất. Việc công nhận quyền sử dụng đất, cấp GCNQSDĐ đất ở của ông Nguyễn Trọng K vào năm 1993 không đúng quy định pháp luật về đất đai và năm 2009 ông Nguyễn Trọng K có đơn trả lại thửa đất số 173, đã được UBND huyện H ban hành Quyết định 2211 thu hồi là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ (do thửa đất số 41, tờ bản đồ số 5, loại đất lúa cấp cho ông Nguyễn Trọng K tại GCNQSDĐ số 00617/QSDĐ ngày 25/9/1993 không bị thu hồi nên Phòng Tài nguyên và Môi trường chỉnh lý GCN thu hồi thửa đất số 1128 là đúng quy định).

Đối với việc ông Nguyễn Trọng K yêu cầu cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 768, tờ bản đồ số 4, với diện tích 3.000m² là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Vì trong diện tích 3.000m² có thửa đất số 731, tờ bản đồ số 2, diện tích 967m² đã được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn H3 vào năm 1993 và đã giải quyết khiếu nại không công nhận việc ông Nguyễn Trọng K đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng (tại Quyết định 1097). Ngoài ra theo Biên bản thanh lý tài sản cố định ngày 25/5/1991, HTX chỉ bán thanh lý ngôi nhà trong giữ hồ cá B, không nêu diện tích đất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã A, huyện H, tỉnh Bình Định do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Các khiếu nại của ông Nguyễn Trọng K đã được Chủ tịch UBND tỉnh B và Chủ tịch UBND huyện H giải quyết đúng theo quy định của pháp luật. Việc ông Nguyễn Trọng K yêu cầu UBND huyện H trả GCNQSDĐ số 00617/QSDĐ và buộc UBND huyện H phải cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Trọng K tại thửa đất số 768, tờ bản đồ số 4, với diện tích 3.000m² là không có căn cứ. Đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Như T2 và bà Nguyễn Thị Bích K1 trình bày:

Đồng ý thống nhất với nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Trọng K.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 59/2024/HC-ST ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ các Điều 29, 30, 32, 116, 157, 158, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019, Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng K về việc yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh B; hủy Quyết định số 3748/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Bình Định; hủy Văn bản số 17/UBND-TN ngày 09/01/2023 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Bình Định; buộc UBND huyện H trả GCNQSDĐ số 00617/QSDĐ ngày 25/9/1993 cho ông Nguyễn Trọng K và buộc UBND huyện H phải cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Trọng K tại thửa đất số 768, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.000m² cho ông Nguyễn Trọng K vì đất này hợp tác xã N1 bán cho ông Nguyễn Trọng K.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 20/11/2024, người khởi kiện ông Nguyễn Trọng K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện ông Nguyễn Trọng K giữ nguyên kháng cáo.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Trọng K trình bày: Trong quá trình giải quyết khiếu nại thì UBND ngăn cản không cho ông Nguyễn Trọng K mời người đại diện theo ủy quyền làm việc; khi đo vẽ, thẩm định hồ sơ cũng không cho

người đại diện theo uỷ quyền làm việc; bản vẽ đo đạc được thực hiện trước, sau đó mời ông **Nguyễn Trọng K** đến ký và không thẩm định đầy đủ tài sản trên đất. Các bản khai của bà **Lê Thị Như T2**, **Nguyễn Thị Bích K1** đều do Thư ký in ra đưa cho ông Nguyễn Trọng Kim ký. Không có việc đối chất giữa ông Kim và **UBND huyện H**. Quá trình giải quyết vụ án thì Hội đồng xét xử sơ thẩm có nhiều vi phạm, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông **Nguyễn Trọng K**, ông đã có đơn khiếu nại nhưng không được chấp nhận; những người làm chứng trong vụ án đều là cán bộ xã nên không khách quan, những người khác biết rõ sự việc liên quan đến việc mua đất được ông **Nguyễn Trọng K** yêu cầu mời làm việc thì không được chấp nhận; tài sản trên đất thu hồi cấp cho người khác không được kiểm đếm, xem xét bồi thường đầy đủ, thực tế trên đất thu hồi vẫn còn có móng nhà ở. Toàn bộ thửa đất là do ông nội để lại, đã được gia đình sử dụng từ nhiều đời; khi xã quy hoạch đất để trồng cây thì gia đình đã hiến đất, sau khi HTX thanh lý đất thì gia đình ông **Nguyễn Trọng K** có cây trồng trên đất nên được ưu tiên mua, khi mua bao gồm cả nhà trồng cá và đất; toàn bộ diện tích đất là 3.000m², nay chỉ còn 700m², Nhà nước thu hồi giao cho người khác sử dụng nhưng không ban hành quyết định, không bồi thường tiền đất và tài sản trên đất là không đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông **Nguyễn Trọng K**, huỷ bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sau khi phân tích nội dung và các tình tiết của vụ án, có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của người khởi kiện ông **Nguyễn Trọng K** là trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; bác kháng cáo của người khởi kiện ông **Nguyễn Trọng K**, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông **Nguyễn Trọng K** là trong thời hạn quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính và người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt những người bị kiện nhưng người đại diện theo uỷ quyền có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng trong đó có người đã có đơn xin xét xử vắng mặt, những người vắng mặt khác không gây ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên tòa và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành việc xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Vào các ngày 26/3/2024 và ngày 03/4/2024 ông **Nguyễn Trọng K** có đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu: Hủy Quyết định 416 của Chủ tịch **UBND tỉnh B**; hủy Quyết định 3748 của Chủ tịch **UBND huyện H**; hủy Văn bản 17 của Chủ tịch **UBND huyện H**; buộc **UBND huyện H** trả GCNQSDĐ số 00617/QSDĐ ngày 25/9/1993 và cấp GCNQSDĐ cho ông **Nguyễn Trọng K** tại thửa đất số 768, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.000m². Đây là các yêu cầu khởi kiện đối với các quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Do đó, bản án sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định là đúng theo quy định tại khoản 2 và 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 và 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung; xét kháng cáo của người khởi kiện ông **Nguyễn Trọng K**, Hội đồng xét xử nhận thấy.

[2.1] Đối với yêu cầu hủy Quyết định 416 của Chủ tịch **UBND tỉnh B**; hủy Quyết định 3748 của Chủ tịch **UBND huyện H**; hủy Văn bản 17 của Chủ tịch **UBND huyện H**, tỉnh Bình Định:

[2.1.1] Về trình tự thủ tục, thời hiệu và thẩm quyền ban hành các quyết định bị kiện:

Các quyết định hành chính bị kiện được ban hành là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21, các Điều 27, 28, 29, 30, 31, 32, 36, 37, 38, 39, 40, 41; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Khiếu nại năm 2011. Đối với Quyết định 416 ban hành là chậm theo quy định tại Điều 37 Luật Khiếu nại năm 2011 nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện nhưng cơ quan và người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại cần rút kinh nghiệm.

[2.1.2] Về nội dung các quyết định bị kiện:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định được:

Thửa đất ông **Nguyễn Trọng K** đang ở có 01 ngôi nhà trông giữ hồ cá Bàu Dừng do ông **Nguyễn D** mua thanh lý tài sản của HTX theo Biên bản thanh lý tài sản cổ định ngày 25/5/1991 (không nêu diện tích đất). Năm 1992, ông **Nguyễn D** chuyển nhượng lại ngôi nhà trên cho ông **Nguyễn Trọng K** (bằng giấy viết tay không được cấp có thẩm quyền ký xác nhận). Theo sổ mục kê và bản đồ địa chính ký duyệt năm 1996 thì ngôi nhà thanh lý nêu trên thuộc thửa đất số 732, tờ bản đồ số 2, diện tích 252m², loại đất màu, ghi tên người sử dụng đất là **UBND xã A**. Từ năm 1993, khi thực hiện giao quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ thì ông **Nguyễn Trọng K** không được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 732 này mà được cấp GCNQSDĐ số 00617/QSDĐ ngày 25/9/1993 đối với thửa đất số 41, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.628m², loại đất lúa và thửa đất số 1128, tờ bản đồ số 2, diện tích

712m² (gồm 300m² đất ở và 412m² đất vườn) tại xã **Â**, huyện **H**, tỉnh **Bình Định**. Tuy nhiên, theo bản đồ địa chính và sổ mục kê năm 1996, tờ bản đồ số 2 không có thửa đất số 1128. Tại sổ địa chính và sổ mục kê của tờ bản đồ số 5, xã **Â**, huyện **H**: Thửa số 173, diện tích 712m² (gồm 300m² đất ở và 412m² đất vườn), ghi tên sử dụng đất là ông **Nguyễn Trọng K** (trên thực địa là đất gò, không có nhà, hiện nay vẫn là đất trống, hiện trạng của thửa đất có biến động về ranh giới, diện tích). Theo bản đồ năm 1996, tính theo hướng từ Bắc đến **N**: Thửa đất số 730, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.536m², chủ sử dụng là ông **Nguyễn Sai**. Thửa đất số 731, tờ bản đồ số 2, diện tích 967m² (300m² đất ở và 667m² đất vườn) đã được **UBND huyện H** cấp GCNQSDĐ cho ông **Nguyễn H3** vào năm 1993. Khu đất ông **Nguyễn Trọng K** sử dụng, gồm: Thửa đất số 732, tờ bản đồ số 2, diện tích 252m², một phần thửa đất số 373, tờ bản đồ số 4 (đất trồng cây công nghiệp lâu năm, do **UBND xã Â** quản lý) và thửa đất số 737, tờ bản đồ số 4, diện tích 672m², loại đất màu do **UBND xã Â** quản lý.

Năm 2009, ông **Nguyễn Trọng K** có đơn khiếu nại về việc Nhà nước không cấp GCNQSDĐ tại thửa có ngôi nhà trồng giữ hồ cá Bàu Dừng mua thanh lý, sử dụng từ năm 1991 mà lại cấp GCNQSDĐ tại một thửa khác là thửa đất số 1128 (trên thực địa là thửa đất số 731, tờ bản đồ số 2 mà ông **Nguyễn H3** đang sử dụng); đồng thời xin trả lại thửa đất số 173, tờ bản đồ số 5 cũ cho Nhà nước và đề nghị **UBND huyện H** cấp lại GCNQSDĐ tại nơi ông đang ở do mua thanh lý của HTX, theo giới cận: Bắc giáp đất ông **Nguyễn S**, Nam giáp đất ông **Đ4**, **Đ1** giáp **Hồ Bàu D3**, **T5** giáp vườn **Đ2**. Căn cứ kết quả kiểm tra, đề xuất của Tổ công tác **huyện H** tại Báo cáo số 01/BC-TCT ngày 12/6/2009; Chủ tịch **UBND huyện H** đã ban hành Quyết định 1097 giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông **Nguyễn Trọng K**, với nội dung: Không công nhận khiếu nại của ông **Nguyễn Trọng K** về việc đòi lại đất thổ cư và đất lâm nghiệp đã giao cho người khác sử dụng. Công nhận khiếu nại của ông **Nguyễn Trọng K** về việc gia đình ông mua thanh lý ngôi nhà giữ cá của HTX từ năm 1991 nhưng đến năm 1993 Nhà nước không giao quyền sử dụng đất cho ông nơi ông đang ở mà lại giao quyền một thửa đất khác. Giao **Phòng T** có trách nhiệm lập thủ tục thu hồi đất đối với hộ gia đình ông **Nguyễn Trọng K** và hộ gia đình ông **Nguyễn Hoai**. 1 Chỉ đạo Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chỉnh lý hồ sơ địa chính, GCNQSDĐ của hộ gia đình ông **Nguyễn Trọng K** và hộ gia đình ông **Nguyễn H3** theo quy định của pháp luật; cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông **Nguyễn Trọng K**. Thực hiện Quyết định 1097; ngày 16/11/2009, **UBND huyện H** đã ban hành Quyết định 2211 thu hồi 300m² đất ở và 412m² đất vườn tại thửa đất số 173, tờ bản đồ số 5, xã **Â** của ông **Nguyễn Trọng K** (GCNQSDĐ ghi nhầm số hiệu là 1128, tờ bản đồ số 2), đồng thời ban hành Quyết định 2210 thu hồi 210m² đất lâm nghiệp của ông **Nguyễn H3** và giao lại cho ông **Nguyễn Trọng K**. Giao phòng Tài nguyên và Môi trường **huyện H** chỉnh lý hồ sơ địa chính của hai hộ theo quy định. **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H** đã thực hiện chỉnh lý thu hồi 300m² đất ở và 412m² đất vườn tại thửa đất số 1128, tờ bản đồ số 2 theo GCNQSDĐ số 00617/QSDĐ ngày 25/9/1993 và ngày 09/12/2009, **UBND huyện H** cấp GCNQSDĐ số H02112 cho ông **Nguyễn Trọng K** tại nơi gia đình ông ở (là nơi có ngôi nhà trồng giữ hồ cá **B**), diện tích 712m², trong đó có 300m² đất ở và 412m² đất trồng cây lâu năm khác, thửa đất được chỉnh lý có số thửa mới là 768, tờ bản đồ số 4, xã **Â**, huyện **H**, tỉnh **Bình Định**. Ngày

20/12/2009, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H mời ông Nguyễn Trọng K đến để giao GCNQSDĐ nhưng ông không nhận vì cho rằng gia đình ông mua thanh lý ngôi nhà giữ cá của HTX có diện tích 3.000m², GCNQSDĐ cấp cho gia đình là không đúng diện tích và tiếp tục khiếu nại đối với ông Nguyễn Văn T6 (hiện nay là Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường) tự ý thu hồi GCNQSDĐ của gia đình, tự ý lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho người khác, xâm phạm đến lợi ích đất đai của gia đình ông. Tuy nhiên, xét thấy tại thời điểm năm 2009 ông Nguyễn Văn T6 là một thành viên trong Tổ công tác tham mưu cho UBND huyện H giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Trọng K theo đúng quy định của pháp luật, không có việc ông Nguyễn Văn T6 tự ý thu hồi GCNQSDĐ của ông Nguyễn Trọng K để lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho người khác trái pháp luật.

Do đó, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định 3748 giải quyết khiếu nại lần đầu; Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định 416 giải quyết khiếu nại lần hai đối với nội dung khiếu nại ông Nguyễn Văn T6 tự ý thu hồi GCNQSDĐ của gia đình, tự ý lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho người khác và việc Chủ tịch UBND huyện H ban hành Văn bản 17 giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng K đối với nội dung khiếu nại UBND huyện H không thực hiện đúng theo Quyết định 1097 là đảm bảo giải quyết đúng nội dung theo quy định của pháp luật.

[2.2] Đối với yêu cầu buộc UBND huyện H trả GCNQSDĐ số 00617/QSDĐ ngày 25/9/1993 và buộc UBND huyện H cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Trọng K tại thửa đất số 768, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.000m²:

Như đã phân tích tại mục [2.1], Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định 3748 giải quyết khiếu nại lần đầu; Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định 416 giải quyết khiếu nại lần hai đối với nội dung khiếu nại ông Nguyễn Văn T6 tự ý thu hồi GCNQSDĐ của gia đình, tự ý lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho người khác và việc Chủ tịch UBND huyện H ban hành Văn bản 17 giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng K đối với nội dung khiếu nại UBND huyện H không thực hiện đúng theo Quyết định 1097 là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Trọng K về việc buộc UBND huyện H trả GCNQSDĐ số 00617/QSDĐ ngày 25/9/1993 cho ông Nguyễn Trọng K và buộc UBND huyện H phải cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Trọng K tại thửa đất số 768, tờ bản đồ số 4, với diện tích 3.000m².

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Trọng K; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Trọng K phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện ông **Nguyễn Trọng K**; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 59/2024/HC-ST, ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

2. Về án phí: Người khởi kiện ông **Nguyễn Trọng K** phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002053 ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSYA, VP, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng